

NGŨ PHÁP TIẾNG ANH LỚP 11 MỚI THEO UNIT**UNIT 7: FURTHER EDUCATION****1. PRESENT PERFECT (Hiện tại hoàn thành)****a. Form (Cấu trúc):**

(+) S + have/ has + Vp2/ ed + O

(-) S + have/ has + not + Vp2/ ed + O

(?) Have/ has (not) + S + Vp2/ ed + O?

b. Uses (Cách sử dụng)

- Diễn tả 1 sự việc vừa mới xảy ra.

Ex: I have just finished the financial report. (Tôi vừa hoàn thành xong bản báo cáo tài chính.)

- Diễn tả 1 sự việc đã xảy ra trong quá khứ nhưng còn liên quan đến hiện tại.

Ex: My husband has worked for this company for 2 years. (Chồng tôi đã làm cho công ty này được 2 năm - Nghĩa là: cách đây 2 năm đã bắt đầu làm, hiện tại vẫn có thể đang làm cho công ty này hoặc không)

- Diễn tả 1 sự việc đã xảy ra ở một thời điểm không xác định trong quá khứ.

Ex: She has been in China for a long time. (Đã có một thời gian dài cô ấy ở Trung Quốc.)

- Nhấn mạnh đến trải nghiệm bản thân (the first/second/third/last... time), nhấn mạnh kết quả:

Ex: + I have seen that film three times. (Tôi đã từng xem bộ phim này 3 lần)

+ This is the first time that he has been in the USA. (Đây là lần đầu tiên anh ấy đến Mỹ)

c. Advs (Trạng ngữ nhận biết)

- just, recently, lately: gần đây, vừa mới

- before : trước đây

- already: rồi

- ever: từng

- never: không bao giờ, chưa bao giờ

- yet: chưa

- since: kể từ khi

- for: khoảng

- so far = until now = up to now = up to the present: cho đến bây giờ

d. Một số lưu ý đối với thì hiện tại hoàn thành

- Phân biệt “Since” và “For”:

since + mốc thời gian

for + khoảng thời gian

Ex: - I've known Anna since October.

- I've known Anna for two months.

- Phân biệt “yet” và “already”:

yet : dùng trong câu phủ định và câu nghi vấn

already : dùng trong câu khẳng định

Ex: - He hasn't come yet.

- I've already posted the letters.

- Thường dùng “ever”, “never” với Hiện tại hoàn thành:

Ex: - He has never been there.

- Have you ever eaten snake meat?

- Phân biệt “Have/ has been” khác với “have/ has gone”:

Ex: (a) Mr. Smith is not here at the moment. He has gone to a meeting in London.

(b) Amada has been to the travel agent. She has your tickets for Hong Kong.

Trong 2 ví dụ trên, ví dụ (a) có thể hiểu là Mr. Smith vẫn đang ở buổi họp trong khi đó ở ví dụ (b) Amada đã đi đến đó và trở về rồi.

- Một số lưu ý khác:

• Trong các mệnh đề diễn tả sự so sánh hơn nhất, số thứ tự, sự duy nhất hay số lần thực hiện hành động

→ Động từ chia ở Hiện tại hoàn thành.

Ex: - This is the most interesting story I have heard.

- This is the only foreigner I have ever known.

(1) It's the first / second / ... time + HTHT

(2) This is the first / second ... time + HTHT

Ex: - It's the first time I have driven a car.

- This is the first time she has lived in New York.

• Its + khoảng thời gian + since + sb last did sth: Đó là khoảng thời gian kể từ khi ai đó làm gì.

Ex: I haven't seen her for 3 days. → It's 3 days since I last saw her.

2. PRESENT PERFECT CONTINUOUS (Hiện tại hoàn thành tiếp diễn)

a. Form (Cấu trúc)

(+) S + have/ has + been + V-ing

(-) S + have/ has + not + been + V-ing

(?) Have/ Has (not) + S + been + V-ing?

b. Uses (Cách sử dụng): Diễn tả sự việc đã xảy ra trong quá khứ, kéo dài đến hiện tại và có thể tiếp tục xảy ra trong tương lai. (Nhấn mạnh tính liên tục của hành động)

Ex: I have been teaching English since I was a second-year student.

(Tôi đã dạy tiếng Anh kể từ khi tôi là sinh viên năm thứ 2, đã bắt đầu dạy trong quá khứ, hiện tại vẫn

đang tiếp tục dạy và có thể trong tương lai vẫn dạy)

c. Advs (Trạng ngữ nhận biết)

- For + time + now, và giống các trạng ngữ của thì hiện tại hoàn thành (Thường sẽ có 1 vế giải thích ở hiện tại tiếp diễn)

*** Tham khảo thêm Bài tập Unit 7 lớp 11 Further education có đáp án khác:**

[Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 11 chương trình mới Unit 7: Further education](#)

[Bài tập Tiếng Anh lớp 11 chương trình mới Unit 7: Further education](#)

[Bài tập Từ vựng Tiếng Anh lớp 11 Unit 7 Further Education](#)

[Trắc nghiệm Ngữ âm tiếng Anh lớp 11 Unit 7 Further Education](#)

[Trắc nghiệm Ngữ pháp tiếng Anh lớp 11 Unit 7 Further Education](#)

[Trắc nghiệm Reading tiếng Anh lớp 11 Unit 7 Further Education](#)

[Trắc nghiệm Writing tiếng Anh lớp 11 Unit 7 Further Education](#)

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh [lớp 11](#) tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 11 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-11>

Bài tập trắc nghiệm trực tuyến Tiếng Anh lớp 11: <https://vndoc.com/test/mon-tieng-anh-lop-11>

